

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí, áp dụng với các khóa tuyển sinh kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Các khóa tuyển sinh trình độ tiến sĩ trước ngày 15 tháng 8 năm 2021 thực hiện theo Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Trường phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐT. (02)



PGS.TS. Mai Xuân Trường

QUY ĐỊNH

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm
(Kèm theo Quyết định số 1250 /QĐ-ĐHSP ngày 02 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (sau đây viết tắt là Trường) bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với nghiên cứu sinh (NCS), giảng viên, cán bộ khoa học, cán bộ quản lý đào tạo tiến sĩ và các đơn vị có liên quan đến công tác tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ của Trường.

2. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng và các chương trình liên kết đào tạo trình độ tiến sĩ giữa Trường với các cơ sở đào tạo của nước ngoài do hai bên cùng cấp bằng.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo ở trình độ tiến sĩ do Trường xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với NCS có bằng tốt nghiệp đại học.

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo tiến sĩ: Người dự tuyển phải tốt nghiệp thạc sĩ hoặc chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù trình độ bậc 7 ngành phù hợp hoặc tốt nghiệp hạng giỏi trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc trình độ tương đương trở lên, có năng lực, kinh nghiệm nghiên cứu).

3. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo đảm bảo các yêu cầu sau:

- a) Tối thiểu 80% nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.
- b) Tối đa 16 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ thạc sĩ.
- c) Tối thiểu 30 tín chỉ các học phần, môn học bắt buộc hoặc tự chọn đối với đầu vào trình độ đại học.

4. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Hiệu trưởng xác định số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung. Quy trình xác định các học phần bổ sung như sau:

Sau khi trúng tuyển, căn cứ vào đề tài luận án, người hướng dẫn khoa học xác định những môn học bổ sung kiến thức, thông qua Hội đồng Khoa học của khoa chuyên môn và gửi về Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt.

b) Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành) tương ứng, trừ các học phần ngoại ngữ và luận văn; có khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ để đảm bảo NCS đạt chuẩn đầu ra Bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

5. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu. Mỗi NCS phải hoàn thành 8 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức 16 tín chỉ. Cụ thể:

a) Các học phần bắt buộc gồm:

- Tiểu luận tổng quan yêu cầu NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Tiểu luận tổng quan được tính 2 tín chỉ và được đánh giá theo thang điểm 10. Hội đồng đánh giá bài tiểu luận tổng quan do đơn vị chuyên môn giới thiệu gửi về Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định.

- Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu NCS nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi NCS phải tích lũy 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng kiến thức tương đương 6 tín chỉ. Chuyên đề phải được trình bày, có đánh giá trước Hội đồng chuyên môn. Hội đồng chuyên môn do đơn vị chuyên môn giới thiệu gửi về Phòng Đào tạo trình Hiệu trưởng ra quyết định. Thành phần hội đồng chuyên môn gồm giảng viên, cán bộ nghiên cứu thuộc chuyên môn liên quan đang công tác tại Trường hoặc giảng viên, cán bộ nghiên cứu thuộc cơ sở đào tạo khác. Các chuyên đề này được đánh giá theo thang điểm 10.

b) Các học phần ở trình độ tiến sĩ (gồm học phần bắt buộc và học phần tự chọn):

- Mỗi NCS phải hoàn thành 04 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng kiến thức 08 tín chỉ, mỗi học phần có khối lượng kiến thức là 02 tín chỉ, trong đó các học phần tự chọn chiếm 50% số tín chỉ.

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

c) Nếu phần nào trong các điểm a, b của khoản này không đạt yêu cầu thì NCS phải làm lại nhưng không quá 2 lần. Hiệu trưởng ra quyết định chấm dứt quá trình học tập nếu NCS không hoàn thành đúng yêu cầu sau 2 lần thực hiện hoặc xem xét cho học bổ sung một số học phần hoặc kết quả nghiên cứu để được cấp bằng thạc sĩ nếu NCS chưa có bằng thạc sĩ và có đơn đề nghị.

5. Luận án tiến sĩ có khối lượng 70-80 tín chỉ, là kết quả nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

6. Trường được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của nước ngoài đã được kiểm định và công nhận về chất lượng để thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

7. Nếu có NCS đăng ký học, viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng nước ngoài thì Trường sẽ xây dựng chương trình đào tạo học bằng tiếng nước ngoài, đồng thời đáp ứng các điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm nhiệm việc đào tạo chương trình tiến sĩ bằng tiếng nước ngoài.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Việc tuyển sinh được tổ chức một hoặc nhiều lần trong năm theo lịch tuyển sinh theo quyết định của Giám đốc Đại học Thái Nguyên (ĐHTN), khi các chương trình đào tạo (CTĐT) của Trường đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng triển khai đào tạo ở trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

2. Phương thức tuyển sinh bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển theo quyết định của ĐHTN bảo đảm đánh giá minh bạch công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

3. Hiệu trưởng căn cứ vào Quy định này và các quy định liên quan khác xây dựng Đề án tuyển sinh (theo mẫu tại Phụ lục I), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 5. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ do hiệu trưởng xác định và được công khai trong đề án tuyển sinh. Văn bằng đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục đại học nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phân biện liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài.

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục IV của Quy định này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo khu năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc tốt nghiệp chương trình đào tạo bằng tiếng Việt và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do Trường quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Người dự tuyển là công dân nước ngoài đăng ký học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Anh thì phải đáp ứng các chuẩn tối thiểu trình độ tiếng Anh như quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này.

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu Phụ lục II).

b) Sơ yếu lý lịch trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển, có xác nhận của thủ trưởng cơ quan quản lý hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú (theo mẫu).

c) Bản sao (có chứng thực) bằng tốt nghiệp, bằng điểm đại học, bằng thạc sĩ và bằng điểm thạc sĩ hoặc phụ lục văn bằng.

d) Bản sao chụp bìa, mục lục và toàn văn các bài báo/ báo cáo khoa học đã công bố. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và thâm niên công tác (nếu có).

đ) Đề cương nghiên cứu (số lượng 07 bản), trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do chọn nghiên cứu tại Trường; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian làm NCS; những kinh nghiệm, kiến thức, hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp.
- Năng lực hoạt động chuyên môn.
- Phương pháp làm việc.
- Khả năng nghiên cứu.
- Khả năng làm việc theo nhóm.
- Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển.
- Triển vọng phát triển về chuyên môn.
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Giấy khám sức khỏe của bệnh viện.

i) 02 ảnh (4x6) + 02 phong bì có tem và địa chỉ, số điện thoại.

k) Bản sao có chứng thực văn bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài, chứng chỉ ngoại ngữ.

Người có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cần có minh chứng về học toàn thời gian ở nước ngoài, gồm một trong các tài liệu liên quan sau: (i) xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước sở tại đã theo học; (ii) xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; (iii) bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; (iv) minh chứng đã đăng ký vào hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hồ sơ dự tuyển phải được gửi đến Trường theo thông báo của tuyển sinh.

2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ, trong đó 01 bộ báo cáo ĐHTN, 01 bộ lưu tại Trường Đại học Sư phạm.

Điều 7. Tuyển sinh và công nhận NCS

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và Trường trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm đối tượng và điều kiện dự tuyển; danh mục ngành đào tạo phù hợp được đăng ký xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 12 của Quy định này; chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo; hồ sơ dự tuyển; kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có) và các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của CTĐT.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành đăng ký dự tuyển của người dự tuyển, Trường đề xuất các tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS trình Hội đồng tuyển sinh ĐHTN ra quyết định.

b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS có ít nhất 3 người trình độ tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển, là cán bộ khoa học, giảng viên trong hoặc ngoài ĐHTN do Hội đồng Khoa học và Đào tạo chuyên ngành mời (nếu cần) và người dự kiến hướng dẫn NCS. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có trưởng tiểu ban, thư ký và các ủy viên.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi về dự định nghiên cứu của người dự tuyển, xếp loại người dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển. Tiểu ban chuyên môn đánh giá cần có tối thiểu 2/3 thành viên tiểu ban tham dự, trong đó không được vắng mặt trưởng tiểu ban và thư ký.

3. Quy trình xét tuyển NCS

a) Tiểu ban chuyên môn nhận hồ sơ, biểu mẫu đánh giá người dự tuyển từ Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh.

b) Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS đánh giá phân loại người dự tuyển thông qua các nội dung sau:

- Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ.
- Thành tích nghiên cứu khoa học đã có (bài báo, báo cáo khoa học, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp).
- Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn.
- Chất lượng đề cương của NCS.
- Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ người dự tuyển trong thư giới thiệu.
- Năng lực và khả năng ngoại ngữ.

- Các phẩm chất và năng lực khác của người dự tuyển.

c) Người dự tuyển trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của người dự tuyển phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá năng lực nghiên cứu của người dự tuyển.

d) Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tiểu ban chuyên môn cho điểm đánh giá. Mỗi thành viên của tiểu ban chuyên môn có 1 phiếu chấm điểm theo thang điểm 100,0 làm tròn đến 0,5 điểm (theo mẫu do Ban thư ký hội đồng tuyển sinh chuẩn bị). Điểm đánh giá chuyên môn của người dự tuyển là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên tiểu ban chuyên môn có mặt và lấy đến một chữ số thập phân. Điểm xét tuyển của người dự tuyển phải đạt từ 55,0 điểm trở lên. Việc xét trúng tuyển theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu của từng chuyên ngành.

đ) Tiểu ban chuyên môn chuyển kết quả đánh giá cho Hội đồng tuyển sinh ra quyết định công nhận người dự tuyển trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Triệu tập người dự tuyển trúng tuyển

a) Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Giám đốc ĐHTN phê duyệt, Trường gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

b) Sau thời gian tối đa 20 ngày kể từ khi NCS nhập học, Hiệu trưởng ban hành quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo.

Hồ sơ nhập học gồm có:

- Giấy gọi nhập học.
- Quyết định cử đi học do cơ quan trực tiếp trả lương cấp đối với các trường hợp được cử đi học.
- Lý lịch khoa học có dán ảnh do cơ quan quản lý (hoặc chính quyền địa phương đối với người chưa có việc làm) xác nhận.
- Phiếu chuyển sinh hoạt đảng, đoàn tạm thời nếu là đảng viên hoặc đoàn viên.
- 02 ảnh cỡ 3x4.

c) Phòng Đào tạo có văn bản giao NCS về hoạt động chuyên môn tại khoa/bộ môn quản lý chuyên môn. Chậm nhất 6 tháng sau khi có quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, khoa chuyên môn phải tổ chức đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của NCS, Hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận án.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 8. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

Sau khi trúng tuyển, NCS được biên chế vào bộ môn chuyên môn quản lý chuyên ngành đào tạo. NCS chịu sự quản lý chuyên môn của trưởng bộ môn chuyên môn, phải hoàn thành nhiệm vụ của NCS quy định tại Điều 14 của Quy định này.

2. Thời gian đào tạo

a) Thời gian đào tạo tiêu chuẩn đối với trình độ tiến sĩ từ 3 năm (36 tháng) đến 4 năm (48 tháng) do Trường quyết định, bảo đảm phần lớn NCS hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS (theo mẫu Phụ lục III). Thời gian đào tạo tính từ khi có quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn của Hiệu trưởng.

b) NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phân biên độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án.

3. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại Trường. Trong trường hợp Trường không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho NCS thì gửi NCS theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa Trường với các cơ sở đào tạo khác.

4. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này. Trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, NCS phải thường xuyên tham dự và báo cáo seminar ở bộ môn/khoa quản lý chuyên môn. NCS phải thực hiện tối thiểu 06 báo cáo seminar, trong đó phải có 01 seminar tổng thể. Các kết quả nghiên cứu phải được báo cáo tại các buổi seminar tổ chức tại bộ môn. NCS phải đăng ký lịch seminar với khoa chuyên môn. Nội dung buổi seminar phải được ghi thành biên bản có chữ ký của tất cả các nhà khoa học và những người tham dự, có xác nhận của cán bộ hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn (theo mẫu Phụ lục V, VI, VII, VIII).

5. Trường được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng được quy định hiện hành

về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

6. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được thực hiện theo quy trình đánh giá và tính điểm học phần theo quy định đào tạo trình độ đại học.

7. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

a) Sau khi NCS nhập học, căn cứ trình độ của từng người, văn bằng đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ (nếu có), người hướng dẫn NCS và khoa/bộ môn quản lý chuyên môn sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học, thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của NCS, trình Hiệu trưởng phê duyệt và thông báo cho NCS thực hiện.

b) Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, NCS phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của Trường.

c) Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS.
- Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo.

d) Những NCS có kết quả các học phần, các chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đủ điều kiện tiếp tục làm NCS thì có thể được xem xét bổ sung một số học phần hoặc kết quả nghiên cứu để được cấp bằng thạc sĩ nếu NCS chưa có bằng thạc sĩ và có đơn đề nghị.

Điều 9. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. NCS và người hướng dẫn được đề xuất về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 8 của Quy định này.

Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy định này trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều này và được người hướng dẫn đồng ý. Việc thay đổi tên đề tài luận án (mang ý nghĩa thay đổi hướng nghiên cứu) chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng và chỉ thực hiện chậm nhất trong 24 tháng kể từ khi quyết định công nhận NCS có hiệu lực. Hiệu trưởng quyết định việc điều chỉnh tên đề tài luận án theo đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án ở khoa chuyên môn nhưng phải đảm bảo không làm thay đổi hướng nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu của đề tài luận án.

Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận NCS (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp đặc biệt do Giám đốc ĐHTN quyết định.

2. Việc chuyển trường được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ.

Trường hợp NCS từ cơ sở đào tạo khác chuyển đến: Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, Hiệu trưởng tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của Trường (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Hiệu trưởng quyết định.

3. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Trường thông qua trong thời gian quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

b) Trong trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, NCS phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn tối đa là 24 tháng. Trong thời gian này, NCS phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo và NCS phải đóng phí theo quy định của Trường. Hiệu trưởng ra quyết định gia hạn thời gian học tập và nghiên cứu cho NCS, tối đa không quá 12 tháng/01 lần gia hạn.

Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua thì Hiệu trưởng quyết định cho NCS thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu NCS hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của Quy định này.

Thủ tục hồ sơ bảo vệ luận án trước thời hạn bao gồm: Đơn đề nghị bảo vệ luận án trước thời hạn của NCS, ý kiến đề nghị của người hướng dẫn; biên bản xét đề nghị của khoa chuyên môn. Việc bảo vệ luận án trước thời hạn không sớm hơn 2/3 thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ của NCS được ghi trong quyết định.

4. NCS bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận.

c) Vi phạm quy định của Trường ở mức độ buộc thôi học.

Điều 10. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo.

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của Trường.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Hội đồng chuyên môn gồm các thành viên Hội đồng Khoa và các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đang duy trì ngành. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS được tiến hành ngay khi có quyết định công nhận NCS.

3. Bảo lưu kết quả

Nghiên cứu sinh được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có cấp quận, huyện trở lên.

b) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã hoàn thành các học phần bổ sung, học phần tiến sĩ, có thời gian học tối thiểu 02 năm học ở Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

c) Thời gian tối đa cho phép NCS bảo lưu kết quả học tập là 1 năm. Hết thời gian xin bảo lưu NCS đảm bảo tiếp tục kế hoạch học tập.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 11. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; đạt trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại điểm khoản 1 Điều 54 của Luật giáo dục.

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo.

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ.

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 1,0 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

c) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công bố khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong thời hạn 5 năm tính đến ngày được phân công giảng dạy.

Điều 12. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn NCS

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 11 của Quy định này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 1,0 trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế, hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó 01 người là giảng viên cơ hữu của Trường hoặc giảng viên cơ hữu của ĐHTN hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ



toàn thời gian tại Trường với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá của NCS.

Điều 13. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn NCS

1. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và các quy định liên quan có nhiệm vụ và quyền sau:

- a) Giảng dạy theo mục tiêu, chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ, có chất lượng chương trình đào tạo.
- b) Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, bảo đảm chất lượng đào tạo.
- c) Định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.
- d) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của giảng viên.
- đ) Tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- e) Tham gia quản lý và giám sát cơ sở giáo dục đại học, tham gia công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác.
- g) Được ký hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu khoa học theo quy định của pháp luật.
- h) Được bổ nhiệm chức danh của giảng viên, được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú và được khen thưởng theo quy định của pháp luật.
- i) Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.
- k) Không xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể người học và người khác.
- l) Không gian lận trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học.
- m) Không lợi dụng danh hiệu nhà giáo và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn NCS mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 NCS có luận án không

được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 23 của Quy định này (nếu có).

4. Người hướng dẫn NCS có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá và hằng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua.

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS.

c) Đề xuất đề NCS được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Trường.

5. Hồ sơ và thủ tục người nước ngoài tham gia hướng dẫn NCS thực hiện theo quy định của Trường.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của NCS trong quá trình đào tạo

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), cụ thể:

a) Học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện theo quy định.

b) Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở giáo dục đại học; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

c) Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ an ninh, trật tự, phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập và thi cử, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội.

d) Được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt nam nữ, dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện.

đ) Được tạo điều kiện trong học tập, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ, các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

e) Đóng góp ý kiến, tham gia quản lý và giám sát hoạt động giáo dục và các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục.

g) Được hưởng chính sách đối với người học thuộc đối tượng hưởng ưu tiên và chính sách xã hội.

h) Các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

i) Không xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học của cơ sở giáo dục đại học và người khác.

k) Không gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh.

l) Không tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh trật tự trong cơ sở giáo dục đại học hoặc nơi công cộng và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

m) Không tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật.

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận NCS, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị chuyên môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của Trường về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

6. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Trường.

Điều 15. Quyền và trách nhiệm của Khoa chuyên môn và phòng Đào tạo

1. Khoa chuyên môn có quyền và trách nhiệm sau:

a) Đề xuất người hướng dẫn NCS có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

b) Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS.

c) Tổ chức sinh hoạt khoa học, seminar định kỳ để NCS báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu. Thành phần tham dự seminar bao gồm tất cả các thành viên của tổ chuyên môn, các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài Trường thuộc chuyên ngành đào tạo, seminar có nhiệm vụ góp ý về nội dung và trình bày luận án, đề xuất các yêu cầu bổ sung hay chỉnh sửa cần thiết; xem xét tính phù hợp của tên đề tài với mã số chuyên ngành đã được đăng ký, với nội dung luận án. Các nhận xét đánh giá, các đề xuất bổ sung hay chỉnh sửa được ghi rõ trong biên bản seminar. Có thể phải tổ chức nhiều phiên seminar, biên bản của seminar lần cuối phải ghi rõ kết luận luận án đã có thể đưa ra bảo vệ chính thức cấp Bộ môn hay chưa. Phân công cho NCS trợ giảng và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập; triển khai đánh giá luận án của NCS tại đơn vị chuyên môn theo sự phân công của Hiệu trưởng; thông qua đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

d) Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định, bao gồm:

- Đề xuất các tiểu ban chuyên môn xét tuyển NCS theo chuyên ngành đào tạo thuộc khoa quản lý.

- Xem xét và thông qua trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần phải học trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: Các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ. Các học phần ở trình độ tiến sĩ. Các chuyên đề tiến sĩ; bài tiểu luận tổng quan. Kế hoạch đào tạo đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của NCS.

- Quy định lịch làm việc của NCS với người hướng dẫn, lịch NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu, tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của NCS và đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng NCS.

- Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS.

- Quản lý NCS trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS; đồng thời thông qua Hiệu trưởng để gửi báo cáo này đến cơ quan/đơn vị công tác của NCS.

- Xây dựng, bổ sung, cập nhật chương trình đào tạo, xác định danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phân biệt độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu, quy trình gửi bài cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài.

- Làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục.

2. Phòng Đào tạo

Phòng Đào tạo làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ của Trường về đào tạo sau đại học nêu tại Điều 16 của Quy định này; chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý việc đào tạo tiến sĩ tại Trường, cụ thể là:

a) Xây dựng Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường trên cơ sở các quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và các văn bản pháp quy hiện hành.

b) Xây dựng Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường trình Hiệu trưởng báo cáo ĐHTN.

c) Thường trực trong tổ chức tuyển sinh hằng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương II của Quy định này.

d) Phối hợp với các Khoa tổ chức quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ: Trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn và thời gian đào tạo, kế hoạch toàn khóa của NCS; Làm đầu mối xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, hình thức đào tạo, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo, chuyển cơ sở đào tạo của NCS; Lập hồ sơ NCS, tiếp nhận hồ sơ sau bảo vệ luận án cấp cơ sở và tổ chức cho NCS bảo vệ luận án theo đúng quy định tại Chương IV của Quy định này; Trình Hiệu trưởng cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án...

đ) Cập nhật và duy trì trên trang website của Trường toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách NCS hằng năm; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách NCS đã được Trường cấp bằng tiến sĩ.

e) Làm báo cáo về đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

g) Chịu trách nhiệm bảo quản và lưu trữ tại Phòng Đào tạo theo quy định hiện hành.

h) Tổ chức phát triển ngành đào tạo mới; rà soát, bổ sung chương trình đào tạo theo quy định; công tác kiểm định chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của Trường

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Trường về đề án tuyển sinh, điều kiện xét tuyển, danh mục lĩnh vực nghiên cứu và danh sách cán bộ khoa học cơ hữu đủ điều kiện tham gia hướng dẫn NCS, đề xuất hội đồng chuyên môn xét tuyển NCS và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy định này và các quy định liên quan.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

3. Tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của NCS và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

4. Tổ chức và quản lý trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của NCS, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ theo các quy định hiện hành:

- Quyết định công nhận NCS và phân công người hướng dẫn, xác định thời gian đào tạo; quyết định thành lập hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài luận án của NCS (trong đó có quy định cụ thể tiêu chuẩn của người tham gia hội đồng); quyết định giao đề tài luận án cho NCS, quyết định những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS; quyết định thành lập hội đồng tổng thể luận án (seminar tổng thể luận án) trước khi NCS hoàn thành luận án để xin bảo vệ luận án ở đơn vị chuyên môn; quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ...

- Quyết định phân công NCS về hoạt động tại khoa, quyết định thành lập hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan. Quyết định tiêu chuẩn người hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan; số lượng thành phần hội đồng đánh giá chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan.

5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học; hướng dẫn NCS xuất bản bài báo khoa học trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ của ĐHTN và các tạp chí khoa học chuyên ngành khác.

6. Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50 Luật Giáo dục Đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

7. Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục Đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

8. Tăng cường liên chính học thuật: giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại Trường.

9. Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS trước khi bắt đầu khoá học quy định của Trường và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của NCS.

10. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.

11. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Vào tháng 12 hằng năm, báo cáo ĐHTN về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển NCS từng ngành của năm tiếp theo.

b) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo ĐHTN danh sách trích ngang NCS đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Trường trong 02 tháng trước đó.

c) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 17. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể.

2. Luận án tiến sĩ đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 3 của Quy định này và phải đáp ứng các quy định về khối lượng hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo, cụ thể như sau:

Luận án được viết bằng tiếng Việt hoặc bằng tiếng nước ngoài sử dụng kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14, mã UNICODE, mật độ chữ bình thường. Paragraph: dãn dòng (Lines spacing) đặt ở chế độ 1.5 lines hoặc Multiple 1.3-1.5 pt (tùy theo cỡ chữ); Before 0.3-0.6 pt, after 0 pt; lề trên 3.0cm, lề dưới 2.0-2.5cm, lề trái 3.0-3.5cm, lề phải 2.0cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên mỗi trang. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, có cam đoan của NCS về nội dung luận án và cấu trúc của luận án gồm:

a) Mở đầu: Lý do lựa chọn đề tài, câu hỏi nghiên cứu, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài.

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu.

c) Nội dung, kết quả nghiên cứu (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu, phân tích đánh giá và bàn luận.

d) Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.

đ) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án.

e) Danh mục các bài báo/công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có).

g) Phụ lục (nếu có).

Tóm tắt luận án tiến sĩ dài không quá 24 trang, bao gồm nội dung liên quan đến luận án đã nêu trong khoản 2 của Điều này, nội dung cô đọng của các chương, các công trình liên quan đến luận án, tài liệu tham khảo, danh mục các hội nghị, hội thảo mà NCS trình bày kết quả. Tóm tắt luận án gồm có bản tiếng Việt và bản tiếng Anh.

3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Khi cần trích dẫn 1 đoạn ít hơn 2 câu hoặc 4 dòng đánh máy thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc trích dẫn.

Không trích dẫn những kiến thức phổ biến, mọi người đều biết tránh làm nặng nề phần tham khảo trích dẫn.

Nếu không có điều kiện tiếp cận được một tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời tài liệu gốc đó không được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo của luận án.

Trong từng trang luận án, các nguồn lấy từ tài liệu tham khảo cần được chỉ rõ, đặt trong dấu móc vuông, ví dụ... [4]; ... [3], [5], [21]. Việc trích dẫn là theo số thứ tự của tài liệu ở Danh mục tài liệu tham khảo và được đặt trong dấu ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ: [15, tr. 314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng dấu ngoặc vuông theo thứ tự tăng dần, ví dụ: [19], [25], [40].

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà NCS là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép NCS được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu.

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

4. Luận án được kiểm tra tỉ lệ tương đồng theo Quyết định số 1768/QĐ-ĐHSP ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc Ban hành quy chế quản lý và sử dụng phần mềm chống sao chép và hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Điều 18. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

Trong Điều này, “Hội đồng” được hiểu là “Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn”.

1. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các quy định của Trường: Hoàn thành chương trình đào tạo, đã thông qua luận án tại seminar ở tổ bộ môn, hoàn thành các nghĩa vụ về tài chính.

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá luận án tiến sĩ cấp chuyên môn.

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 1,0 trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

đ) Được tập thể hoặc người hướng dẫn NCS đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn.

e) NCS không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên tại thời điểm trước khi bảo vệ.

g) Hoàn thành hồ sơ bảo vệ luận án ở đơn vị chuyên môn theo quy định của Trường.

2. Hồ sơ đăng ký đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn gồm:

a) Phiếu đăng ký bảo vệ luận án tiến sĩ của NCS có ý kiến đồng ý của tập thể hướng dẫn.

b) Biên bản họp xét thông qua luận án của khoa chuyên môn.

c) Luận án, tóm tắt luận án; bản sao chụp các công trình khoa học liên quan đến đề tài luận án.

d) Văn bản đồng ý của đồng tác giả các công trình khoa học (nếu có).

đ) Lý lịch khoa học của NCS (được xác nhận trong thời hạn không quá 03 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký đánh giá).

e) Quyết định công nhận thí sinh trúng tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, quyết định công nhận NCS và người hướng dẫn, quyết định giao đề tài luận án cho NCS, quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

g) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần trình độ tiến sĩ.

h) Bảng điểm chuyên đề tiến sĩ, bài tiểu luận tổng quan.

i) Quyết định và biên bản tiểu ban đánh giá các chuyên đề tiến sĩ, quyết định và biên bản tiểu ban đánh giá bài tiểu luận tổng quan, biên bản và toàn văn nội dung của ít nhất 06 lần seminar của NCS ở Khoa chuyên môn.

3. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn (Hội đồng đánh giá luận án cấp Cơ sở trước đây); chỉ đạo tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ tại đơn vị chuyên môn. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

4. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

a) Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị chuyên môn gửi hồ sơ xin bảo vệ của NCS tới Phòng Đào tạo để kiểm tra hồ sơ trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án tại đơn vị chuyên môn.

b) Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn gồm 07 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS, trong đó có ít nhất 02 nhà khoa học ở ngoài cơ sở đào tạo; số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 02 người. Đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 02 năm (24 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ. Đại diện tập thể thể hướng dẫn NCS có thể được mời tham gia Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn với tư cách là ủy viên.

Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn gồm chủ tịch, thư ký, hai phân biện và các ủy viên hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phân biện trong hội đồng.

c) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên của Hội đồng phải gửi nhận xét luận án trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

d) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt chủ tịch Hội đồng.
- Vắng mặt thư ký Hội đồng.
- Vắng mặt người phân biện có ý kiến không tán thành luận án.
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên.
- NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

đ) Việc đánh giá luận án tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học giúp NCS hoàn thiện luận án. Vì vậy, các thành viên Hội đồng phải có nhận xét bằng văn bản chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

e) Nếu luận án chưa được thông qua thì lần bảo vệ tiếp theo phải được tổ chức sau lần thứ nhất ít nhất là 06 tháng và NCS phải chịu trách nhiệm đảm nhận toàn bộ kinh phí phát sinh. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Trường.

g) Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá cấp Trường khi đã được hoàn chỉnh dựa trên đánh giá của buổi bảo vệ tại đơn vị chuyên môn và được từ 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu đồng ý (ghi rõ ý kiến đồng ý/không đồng ý về chuyên môn trong phiếu nhận xét luận án).

h) Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn thông qua danh sách ít nhất 50 đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của NCS và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến. Trong đó, số lượng cán bộ được gửi tóm tắt không thuộc Trường tối thiểu là 15 người.

i) Sau khi được Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn thông qua, NCS hoàn thành việc chỉnh sửa luận án theo góp ý của các phân biện và Hội đồng, đồng thời chuẩn bị tóm tắt luận án chính thức.

5. Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi luận án được thông qua ở đơn vị chuyên môn, NCS phải trình luận án để Trường thực hiện quy trình phản biện độc lập. Nếu quá thời hạn nêu trên, NCS không hoàn thành việc sửa chữa và bổ sung, luận án sẽ được đánh giá lại ở đơn vị chuyên môn. Trường hợp đặc biệt, NCS phải có đơn đề nghị xác nhận của người hướng dẫn và được khoa chuyên môn đồng ý đề nghị Hiệu trưởng gia hạn thời gian sửa chữa và bổ sung luận án.

Điều 19. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của NCS được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường. Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Trường phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Trường, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 12 của Quy định này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS; không là cấp trên/cấp dưới trực tiếp với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án; chưa từng tham gia Hội đồng đánh giá luận án của NCS ở đơn vị chuyên môn.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Trường gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Trường yêu cầu NCS và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Nếu các phản biện độc lập lần thứ hai không đồng ý thì NCS phải bảo vệ lại luận án ở đơn vị chuyên môn. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS, người hướng dẫn và khoa chuyên môn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Trường. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập

thuộc trách nhiệm của Trường. Những ý kiến giải trình của NCS được gửi cho phòng Đào tạo và trình bày tại buổi bảo vệ luận án.

5. Luận án đánh giá lại, sau khi được chỉnh sửa, bổ sung phải được tiếp tục gửi đi lấy ý kiến lần thứ hai của các phản biện độc lập không tán thành lần đầu.

6. Sau khi luận án nhận được sự đồng ý từ phản biện độc lập, NCS và người hướng dẫn xem xét bổ sung, chỉnh sửa luận án theo ý kiến của các phản biện độc lập, hoàn thiện luận án và có báo cáo giải trình những điểm bổ sung, chỉnh sửa, những điểm bảo lưu ý kiến.

Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ nhận xét của các phản biện độc lập, NCS phải trình luận án đến đơn vị chuyên môn để thực hiện các thủ tục tiếp theo. Nếu quá thời hạn trên, NCS phải có văn bản báo cáo giải trình đề Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

7. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của NCS, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho NCS bảo vệ luận án. Trường chú trọng việc lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

Điều 20. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án cấp Trường

Trong Điều này, “Hội đồng” được hiểu là “Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường”.

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ đề được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

a) Đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Điều 17 của Quy định này.

b) Đạt quy trình phản biện độc lập theo Điều 19 của Quy định này.

2. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường

a) Luận án của NCS được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

b) Luận án của NCS được các phản biện độc lập quy định tại Điều 19 của Quy định này đồng ý về chuyên môn.

c) NCS không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

d) Có tối đa 01 (một) nhận xét của thành viên Hội đồng không đồng ý cho NCS được bảo vệ luận án.

3. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường gồm

a) Toàn văn luận án.

b) Tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của cơ sở đào tạo.

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả về công trình nghiên cứu khoa học quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 17 Quy định này (nếu có).

đ) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

e) Báo cáo giải trình của NCS về các nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn; báo cáo giải trình của NCS về các nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo ý kiến của các phản biện độc lập.

g) Quyết định công nhận NCS và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập.

i) Các bản nhận xét của các thành viên Hội đồng bảo vệ cấp cơ sở; Biên bản buổi đánh giá luận án; Biên bản kiểm phiếu kèm phiếu đánh giá của từng thành viên; Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn; danh sách các nhà khoa học tham dự buổi bảo vệ (ngoài các thành viên Hội đồng).

4. NCS có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 3 Điều này; các tài liệu còn lại do Trường tập hợp.

Điều 21. Đánh giá luận án cấp Trường

Trong Điều này, “Hội đồng” được hiểu là “Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường”.

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng được quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính quy định tại Điều 12 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 11 của Quy định này.

3. Số lượng thành viên Hội đồng

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của Trường tối đa không quá 03 người.

b) Hiệu trưởng quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ giảng viên của Trường trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của NCS các ngành đang triển khai đào tạo tại cơ sở.

4. Thành phần Hội đồng gồm: chủ tịch, thư ký, 03 uỷ viên phân biện và các uỷ viên, trong đó có phân biện là người của Trường và có phân biện là người ngoài đơn vị; 01 người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là uỷ viên.

a) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của NCS, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của ĐHTN hoặc Trường, có năng lực và uy tín chuyên môn, am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án; có kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học và trong chỉ đạo, điều khiển các buổi đánh giá luận án; chịu trách nhiệm về các hồ sơ liên quan đến việc bảo vệ cấp Trường của NCS.

b) Thư ký hội đồng là người am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án, nắm chắc các thủ tục bảo vệ luận án có nhiệm vụ kiểm tra và chịu trách nhiệm về các hồ sơ của NCS, hồ sơ liên quan đến buổi đánh giá luận án, các bản nhận xét, tổng hợp các ý kiến nhận xét, ghi biên bản,...

c) Người phân biện phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này. Đồng thời, người phân biện là những người am hiểu sâu luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó; không được đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ NCS và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án; không là cấp trên/cấp dưới trực tiếp với NCS. Người phân biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án; đọc và viết nhận xét luận án, trong đó cần ghi rõ luận án có đáp ứng được yêu cầu của một luận án tiến sĩ hay không.

d) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Trường trước 10 ngày họp tổ chức đánh giá luận án của NCS. Trường xây dựng mẫu văn bản nhận xét luận án, phiếu đánh giá luận án bám sát các yêu cầu theo quy định.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của NCS không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

6. Trong thời gian tối đa 03 tháng (90 ngày) kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phân biện độc lập và trong thời hạn tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án, Trường phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp Trường cho NCS bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những địa điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của ĐHTN của Trường ít nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật).

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi vắng mặt quá 01 thành viên hội đồng, trong đó không bao gồm chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng, người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.

c) Trường hợp Trường tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải đảm bảo ít nhất có 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc ĐHTN và của Trường.

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Trường thực hiện; NCS và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

7. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín (đồng ý hoặc không đồng ý), phiếu trắng được coi là phiếu không đồng ý. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Chủ tịch Hội đồng ký xác nhận vào mặt sau của từng phiếu đánh giá.

Thủ tục, trình tự, yêu cầu đối với phiên họp của Hội đồng và đối với việc đánh giá luận án của từng thành viên Hội đồng; cách thức đánh giá cụ thể về mức độ đạt được so với các yêu cầu về nội dung, kết quả nghiên cứu và hình thức luận án theo quy định của ĐHTN và của Trường.

Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS.

Toàn bộ diễn biến của buổi đánh giá luận án cấp Trường phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của NCS cho từng câu hỏi. Biên bản được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký hội đồng; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Trường.

8. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, chủ tịch và thư ký Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để đóng vào phần cuối quyển luận án và lưu tại Trường (thư viện, phòng Đào tạo và khoa chuyên môn), Trung tâm Số của ĐHTN và Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 22. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Hiệu trưởng phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo ĐHTN kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài. ĐHTN báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hồ sơ bảo vệ luận án theo chế độ mật và luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và d khoản 1 Điều 18 của Quy định này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được Trường xác nhận.

3. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật.

Điều 23. Đánh giá lại luận án cấp Trường

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai (chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất). Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai.

Nếu NCS bảo vệ luận án cấp Trường lần thứ hai không thành công, hoặc sau 24 tháng luận án không được đưa ra bảo vệ thì Hiệu trưởng sẽ ra quyết định chấm dứt quá trình đào tạo tiến sĩ của NCS và trả NCS về cơ quan chủ quản (nếu có).

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Khi bảo vệ lại NCS phải tự túc kinh phí.

4. Yêu cầu, điều kiện và trình tự tổ chức bảo vệ lại luận án như đối với lần đầu.

5. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 24. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Đại học Thái Nguyên thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua trong báo cáo của Trường.

b) Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo hoặc chất lượng luận án.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và Quyết định công nhận NCS, hồ sơ buổi đánh giá luận án; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ. Số lượng 02 bộ.

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

- Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và Trường
- Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về NCS, người hướng dẫn NCS và Trường.
- Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của NCS theo quy định.
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 25. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp đầy đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của Trường được áp dụng cho NCS theo quy định.

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Trường cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT, Quy định này và quy định khác của Trường được áp dụng cho NCS.

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Trường có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; uỷ quyền ĐHTN tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng.

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của Trường quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 21 của Quy định này.

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm: Chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

e) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, ĐHTN tổ chức và chủ trì đối thoại giữa hội đồng thẩm định luận án và hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Trường xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, Trường cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng.

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: Hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng quá trình học tập và nghiên cứu tại Trường; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT và Quy định này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Trường có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo kết quả minh chứng.

Điều 26. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để NCS được xét cấp bằng tiến sĩ:

- a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường thông qua.
- b) NCS đã nộp cho Trường (cả bản in và bản điện tử luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường sau khi hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án.
- c) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, ĐHTN và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Hiệu trưởng sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và Hội đồng thẩm định.

2. ĐHTN và Trường đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của ĐHTN và Trường (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Trường tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS.

4. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của NCS gồm:

- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Trường.
- b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá.
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn NCS; bản nhận xét của phân biện và các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
- đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường có mặt tại buổi đánh giá luận án của NCS.
- e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Số của ĐHTN và Thư viện Trường, gồm hai phần:
 - Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
 - Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp Trường, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:
 - + Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường và danh sách thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
 - + Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

- + Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.
- + Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường.

g) Minh chứng công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và ĐHTN; ngày công bố trang thông tin các điểm mới của luận án, toàn văn luận án, tóm tắt luận án; ngày tổ chức đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 22 Quy định này.

5. Phòng Đào tạo tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho NCS khi NCS đáp ứng đầy đủ những điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

6. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Trường trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường để thông qua danh sách NCS được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho NCS. Trường thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và NCS có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 28. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường chịu sự thanh tra, kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN về công tác đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm hồ sơ tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của đơn vị đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN thông báo bằng văn bản cho Trường.

3. Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

Điều 29. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHTN có văn bản yêu cầu Trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 25 của Quy định này.

3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hiệu trưởng thành Hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 25 của Quy định này để xác định luận án có dấu hiệu sao chép, trích dẫn không đúng quy định, vi phạm các quy định về liêm chính học thuật.

Điều 30. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Trường có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin về giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp thư viện Quốc gia Việt Nam.

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp bằng của NCS theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, Trường báo cáo ĐHTN, Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách NCS đã bảo vệ luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của Trường trong 02 tháng trước đó; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Phòng Đào tạo phải công khai trên trang thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy định của Trường và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ.

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Quy định chuyển tiếp

1. Quy định này áp dụng cho các khoá tuyển sinh trình độ tiến sĩ từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Việc tổ chức đào tạo đối với các khoá đã tuyển sinh từ sau ngày 15 tháng 8 năm 2021 đến ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày

28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1893/QĐ-ĐHTN, ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN.

3. Việc tổ chức đào tạo đối với các khoá đã tuyển sinh trước ngày 15 tháng 8 năm 2021 tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1796/QĐ-ĐHTN, ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN.

4. Việc tổ chức đào tạo đối với các khoá tuyển sinh trước ngày 18 tháng 5 năm 2017 tiếp tục thực hiện theo quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của ĐHTN ban hành kèm theo Quyết định số 350/QĐ-ĐHTN ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Giám đốc ĐHTN./.

Phụ lục I

MẪU ĐỀ ÁN TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Thông tin chung

1.1. Tên trường, địa chỉ trang thông tin điện tử

1.2. Thông tin về tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ cho đến thời điểm xây dựng đề án (số lượng ngành/chuyên ngành đào tạo, quy mô sinh viên, các kết quả nghiên cứu...)

1.3. Những thông tin cần thiết khác...

2. Các nội dung cụ thể của đề án

2.1. Đối tượng tuyển sinh

2.2. Phương thức tuyển sinh

2.3. Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành hoặc chuyên ngành

2.4. Điều kiện và năng lực nghiên cứu khoa học: Các hướng nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu đang triển khai, các điều kiện hỗ trợ nghiên cứu...

2.5. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian và số lần tuyển sinh/năm

2.6. Chính sách ưu tiên: Ưu tiên đối với các đối tượng theo quy định

2.7. Học phí và chính sách hỗ trợ tài chính

2.8. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu đủ điều kiện hướng dẫn NCS theo các ngành hoặc chuyên ngành

3.3. Các dự án nghiên cứu hợp tác với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài nước

3.4. Kiểm định chất lượng

3.5. Các điều kiện đảm bảo chất lượng khác...

4. Những thông tin cần thiết khác

Thủ trưởng đơn vị đào tạo
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục II

MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Đợt tuyển sinh tháng..... năm

1. Họ và tên thí sinh: 2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh ngày..... tháng..... năm 4. Nơi sinh.....
5. Nơi ở hiện nay.....
6. Đối tượng dự tuyển: Công chức, viên chức được cử đi học ☐ Đối tượng khác ☐
7. Đơn vị công tác:
8. Nghề nghiệp, chức vụ hiện tại:
9. Thâm niên công tác chuyên môn từ khi tốt nghiệp đại học:
10. Thuộc diện cán bộ: Biên chế: ☐ Hợp đồng: ☐
11. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN).....
Hệ đào tạo:Ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....
12. Văn bằng đại học khác (nếu có):
13. Văn bằng thạc sĩ: Trường tốt nghiệp (TN).....
Chuyên ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....
14. Văn bằng thạc sĩ khác (nếu có): Trường tốt nghiệp (TN).....
Chuyên ngành đào tạo.....Năm TN.....Loại TN.....
15. Đăng ký học bổ túc kiến thức (nếu có):
16. Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:
17. Minh chứng năng lực ngoại ngữ:
18. Công trình nghiên cứu khoa học:
19. Địa chỉ liên hệ với thí sinh:

Số điện thoại nhà riêng của thí sinh:DD.....

Tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng tuyển sinh, chấp hành đúng quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu trúng tuyển tôi sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người học theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định của Đại học Thái Nguyên.

Ngày tháng năm.....

Xác nhận của Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
hoặc Chủ tịch UBND Xã, Phường

Người đăng ký dự tuyển

Phụ lục III
MẪU KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Đơn vị đào tạo:

Họ và tên NCS:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 - 06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	Đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	Đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: Phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của NCS được xây dựng căn cứ vào quy định của đơn vị đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

Phụ lục IV
DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Lưu ý: Đối với những chứng chỉ khác ngoài danh mục nói trên, đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm xác định trình độ tương ứng căn cứ vào xác nhận của cơ quan có thẩm quyền và của tổ chức cấp chứng chỉ.

Phụ lục V

MẪU BIÊN BẢN SEMINAR ĐỊNH KỲ CỦA NGHIÊN CỨU SINH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Khoa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN SEMINAR ĐỊNH KỲ CỦA NGHIÊN CỨU SINH

(Seminar lần:)

Nghiên cứu sinh thực hiện báo cáo Seminar:

Là nghiên cứu sinh năm thứ của khóa đào tạo 20 - 20.....

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn khoa học:

Đơn vị công tác:

Tên đề tài luận án:

Nội dung chủ đề Seminar lần 1:

Thời gian:

Địa điểm:

Chủ tọa Seminar:

Thư ký Seminar:

Thành phần tham dự: Cán bộ hướng dẫn khoa học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa chuyên môn, Tổ bộ môn, các nghiên cứu sinh, học viên cao học (danh sách những người tham dự Seminar đính kèm Biên bản này).

NỘI DUNG SEMINAR

1. Chủ tọa Seminar tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thông qua chương trình làm việc

2. Nghiên cứu sinh trình bày nội dung chuyên đề Seminar (thư ký ghi tóm tắt nội dung chính)

3. Các nhà khoa học, thành viên tham gia Seminar đặt câu hỏi, thảo luận và góp ý (ghi rõ họ tên, chức danh người hỏi, nội dung câu hỏi, nội dung câu trả lời của NCS cho từng câu hỏi).

- Ý kiến 1:
- Ý kiến 2:

4. Nghiên cứu sinh trả lời, trao đổi, thảo luận

- Trả lời ý kiến 1:
- Trả lời ý kiến 2:

5. Tập thể hướng dẫn khoa học nhận xét về tiến trình học tập, nghiên cứu của NCS

6. Kết luận chung của Chủ tọa seminar

- Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận của Báo cáo

- Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu trong luận án

- Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới

- Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có)

Buổi seminar kết thúc vào cùng ngày.

Biên bản seminar được làm thành bản, 01 bản nghiên cứu sinh, 01 bản người hướng dẫn, 01 bản lưu tại khoa chuyên môn (bộ môn), 01 bản nộp khoa sau đại học (kèm theo đó là toàn bộ tập tài liệu nội dung Seminar).

CHỦ TỌA
(ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ghi chú:

- Nghiên cứu sinh tham gia Seminar định kỳ ở bộ môn (6 tháng/ lần). Nghiên cứu sinh phải thực hiện Seminar lần 1, lần 2, lần 3, lần 4, lần 5.....và có biên bản Seminar theo mẫu. Đại học Thái Nguyên sẽ thực hiện kiểm tra định kỳ thực hiện tiến độ Seminar của NCS.
- Nghiên cứu sinh có ít nhất 05 báo cáo khoa học trình bày ở bộ môn, trong đó có 01 báo cáo trình bày tổng thể kết quả nghiên cứu đề tài luận án;

Phụ lục VI

**MẪU DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM DỰ SEMINAR ĐỊNH KỲ
CỦA NGHIÊN CỨU SINH - SEMINAR LẦN ...**

(Kèm theo Quyết định số QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khoa:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20.....

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM DỰ SEMINAR ĐỊNH KỲ
CỦA NGHIÊN CỨU SINH - SEMINAR LẦN ...**

(Kèm theo Biên bản Seminar định kỳ lần , ngày..... tháng..... năm 20.....
của nghiên cứu sinh)

Nghiên cứu sinh thực hiện báo cáo Seminar:

Nội dung chủ đề Seminar lần :

1. Danh sách cán bộ, giảng viên của bộ môn, khoa chuyên môn

TT	Họ tên, chức danh, học vị	Chức vụ công tác	Chữ ký	Ghi chú
1				
...				

2. Danh sách nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên của bộ môn, khoa chuyên môn

TT	Họ tên	Nghiên cứu sinh/ học viên/ sinh viên	Chữ ký	Ghi chú
1				
...				

3. Danh sách những người quan tâm đến lĩnh vực khoa học tham dự

TT	Họ tên	Cơ quan công tác	Chữ ký	Ghi chú
----	--------	------------------	--------	---------

1				
...				

CHỦ TỌA*(ký, ghi rõ họ tên)***THƯ KÝ***(ký, ghi rõ họ tên)***TRƯỞNG KHOA***(ký, ghi rõ họ tên)***CÁN BỘ HƯỚNG DẪN***(ký, ghi rõ họ tên)***XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO**

Ghi chú: Biên bản họp seminar và danh sách những người tham dự được đánh số trang, Thư ký cuộc họp ký nháy từng trang.

Phụ lục VII
MẪU BIÊN BẢN SEMINAR TỔNG THỂ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA NGHIÊN CỨU SINH

(Kèm theo Quyết định số QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Khoa:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN SEMINAR TỔNG THỂ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU
ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA NGHIÊN CỨU SINH

(Seminar thông qua luận án ở bộ môn/ khoa trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở)

Nghiên cứu sinh thực hiện báo cáo Seminar:

Là nghiên cứu sinh năm thứ của khóa đào tạo 20 - 20.....

Chuyên ngành:

Người hướng dẫn khoa học:

Tên đề tài luận án:

Nội dung chủ đề Seminar:

Thời gian:

Địa điểm:

Chủ tọa Seminar:

Thư ký Seminar:

Thành phần tham dự: Cán bộ hướng dẫn khoa học, Hội đồng Khoa học và Đào tạo
khoa chuyên môn, Tổ bộ môn, các nghiên cứu sinh, học viên cao học
(danh sách những người tham dự Seminar đính kèm Biên bản này).

NỘI DUNG SEMINAR

1. Chủ tọa Seminar tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thông qua chương trình làm việc
2. Nghiên cứu sinh trình bày nội dung chuyên đề Seminar *(thư ký ghi tóm tắt nội dung chính)*
3. Các nhà khoa học, thành viên tham gia Seminar đặt câu hỏi, thảo luận và góp ý *(ghi rõ họ tên, chức danh người hỏi, nội dung câu hỏi, nội dung câu trả lời của NCS cho từng câu hỏi).*

- Ý kiến 1:

- Ý kiến 2:

4. Nghiên cứu sinh trả lời, trao đổi, thảo luận

- Trả lời ý kiến 1:

- Trả lời ý kiến 2:

5. Tập thể hướng dẫn khoa học nhận xét về tiến trình học tập, nghiên cứu của NCS

.....
.....

6. Kết luận chung của Chủ tọa Seminar

- Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận của luận án.

- Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu trong luận án

- Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới luận án.

- Những điểm cần bổ sung, sửa chữa.

Buổi Seminar kết thúc vào cùng ngày.

Biên bản Seminar Tổng thể kết quả nghiên cứu đề tài luận án được làm thành bản, 01 bản nghiên cứu sinh, 01 bản người hướng dẫn, 01 bản lưu tại khoa chuyên môn (bộ môn), 01 bản nộp khoa sau đại học (kèm theo đó là toàn bộ tập tài liệu nội dung Seminar).

CHỦ TỌA

(ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA

(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ghi chú:

- Nghiên cứu sinh tham gia Seminar định kỳ ở bộ môn (6 tháng/ lần). Nghiên cứu sinh phải thực hiện Seminar lần 1, lần 2, lần 3, lần 4, lần 5..... Đại học Thái Nguyên sẽ thực hiện kiểm tra định kỳ thực hiện tiến độ Seminar của NCS.

- Nghiên cứu sinh có ít nhất 05 báo cáo khoa học trình bày ở bộ môn, trong đó có 01 báo cáo trình bày tổng thể kết quả nghiên cứu đề tài luận án;

- Seminar thông qua luận án ở bộ môn (hoặc khoa chuyên môn) trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở phải có ít nhất 3 tiến sĩ cùng ngành/ chuyên ngành tham dự.

Phụ lục VIII

**MẪU DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM DỰ SEMINAR TỔNG THỂ KẾT
QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

(Kèm theo Quyết định số QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Khoa:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20.....

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM DỰ SEMINAR TỔNG THỂ KẾT QUẢ
NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

(Seminar trước khi bảo vệ luận án cấp cơ sở)

(Kèm theo Biên bản Seminar Tổng thể kết quả nghiên cứu luận án của nghiên cứu
sinh..... ngày..... tháng..... năm 20.....)

Nghiên cứu sinh thực hiện báo cáo Seminar:

Nội dung chủ đề Seminar:

1. Danh sách cán bộ, giảng viên của bộ môn, khoa chuyên môn

TT	Họ tên, chức danh, học vị	Chức vụ công tác	Chữ ký	Ghi chú
1				
...				

2. Danh sách nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên của bộ môn, khoa chuyên môn

TT	Họ tên	Nghiên cứu sinh/ học viên/ sinh viên	Chữ ký	Ghi chú
1				
...				

3. Danh sách những người quan tâm đến lĩnh vực khoa học tham dự

TT	Họ tên	Cơ quan công tác	Chữ ký	Ghi chú
1				
...				

CHỦ TỌA

(ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ

(ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG KHOA
(ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN
(ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO

Ghi chú: Biên bản họp seminar và danh sách những người tham dự được đánh số trang, Thư ký cuộc họp ký nháy từng trang.